

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 6 - 2021.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Tuấn Anh**.

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Thảo**.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Thùy Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:***  
Ông **Nguyễn Ngọc Đức** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Cẩm Huỳnh N** – sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Tổ 13, ấp 1, xã LN, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ** – sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Tổ 13, ấp 1, xã LN, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

*(chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Cẩm Huỳnh N trình bày:***

Chị và anh **Nguyễn Văn Đ** tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 và được Ủy ban nhân dân xã LN cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/10/2015. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **Đ** thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, không quan tâm đến gia đình. Thậm chí anh **Đ** còn nhiều lần đánh đập chị. Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, căng thẳng nhau. Chị đã nhiều lần cho anh **Đ** cơ hội sửa đổi nhưng tình hình vẫn không được cải thiện.

Từ giữa năm 2020, vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là:

- Nguyễn Thị L – sinh ngày: 01/4/2001.
- Nguyễn Văn L1 – sinh ngày: 10/10/2002.

Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu giải quyết nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn Đ: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập anh Đ đến Tòa án làm việc nhưng anh Đ không đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Cẩm Huỳnh N đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị N (bản sao); Sổ hộ khẩu của chị N và anh Đ (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Bản tự khai ngày 29/3/2021 của chị N (bản chính); Đơn xin vắng mặt ngày 21/5/2021 của chị N (bản chính). Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: 02 Biên bản xác minh ngày 07/4/2021.

Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị N và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, cho chị Phạm Cẩm Huỳnh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

+ Về con chung: Hiện tại 02 cháu Nguyễn Thị L – sinh ngày: 01/4/2001 và Nguyễn Văn L1 – sinh ngày: 10/10/200 đã thành niên và có khả năng lao động nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị N kê khai không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Phạm Cẩm Huỳnh N phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Cẩm Huỳnh N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ. Anh Đ đang cư trú tại huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Chị Phạm Cẩm Huỳnh N và anh Nguyễn Văn Đ là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Chị N và anh Đ kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN vào ngày 20/10/2015. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh Đ thì Tòa án áp dụng các Điều 9, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đ tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN vào ngày 20/10/2015. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị N trình bày chị yêu cầu ly hôn vì anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, không quan tâm đến gia đình và nhiều lần đánh đập chị.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập anh Đ đến Tòa án để hòa giải nhưng anh Đ không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của anh Đ không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau (bút lục 21 – 22).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để chị N có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N là cho chị được ly hôn với anh Đ là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3.2]. Về con chung: Chị N và anh Đ có 02 con chung là:

- Nguyễn Thị L – sinh ngày: 01/4/2001.
- Nguyễn Văn L1 – sinh ngày: 10/10/2002.

Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên chị N không yêu cầu giải quyết nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3]. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh Đ nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[3.4]. Về nợ chung: Chị N kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh Đ nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Phạm Cẩm Huỳnh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn.

[5]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Cẩm Huỳnh N.  
Cho chị Phạm Cẩm Huỳnh N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Chị N và anh Đ có 02 con chung là:

- Nguyễn Thị L – sinh ngày: 01/4/2001.
- Nguyễn Văn L1 – sinh ngày: 10/10/2002.

Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên chị N không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí: Chị Phạm Cẩm Huỳnh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005765 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị N và anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Ủy ban nhân dân xã LN: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH cấp ngày 20/10/2015);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Văn Lợi**